

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **66/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 27-12-2023
V/v “tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thường.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 187/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị B L**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Ấp L, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: 1697/94 LVL, Ấp X, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Anh **Lương V K**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L và anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương V K, tự tìm hiểu, quen biết và được gia đình tác hợp tiến tới hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 200 ngày 27/12/2017.

Quá trình sống chung, trong khoảng thời gian đầu đời sống vợ chồng không mâu thuẫn gì. Đến khi đợt dịch Covid-19 bùng phát và sau khi sinh con thì phát sinh cự cãi, bất đồng quan điểm, dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không thể hòa hợp. Từ đầu năm 2023, chị và anh K đã ly thân với nhau. Nay, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương V K.

- Về con chung: Quá trình sống chung, giữa chị L và anh K có 01 con chung là cháu Lương G P, sinh ngày 07/7/2021, hiện đang sống cùng chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh K không có tài sản chung, nợ chung.

*** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 08/12/2023, bị đơn anh Lương V K trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị B L là vợ chồng, tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn như chị L trình bày. Từ năm 2022, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không thể hòa hợp trong suy nghĩ, quan điểm sống. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Khi ly hôn, anh K đồng ý giao con chung là cháu Lương G P, sinh ngày 07/7/2021 cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Khá sẽ cấp dưỡng trong khả năng của mình cho cháu Lương G P hàng tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, không ý kiến, kiến nghị bổ sung gì.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B L, cho chị L ly hôn với anh Lương V K, giao con chung là cháu Lương G P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra, buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn chị L yêu cầu ly hôn với anh K và yêu cầu giải quyết về con chung. Anh K có nơi thường trú tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự*: Tại phiên toà hôm nay, chị L và anh K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh K.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị B L và anh Lương V K tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến tới hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 200 ngày 27/12/2017. Như vậy, hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn giữa anh, chị không mâu thuẫn gì nhưng đến năm 2022, thì tình cảm giữa hai vợ chồng bắt đầu có những rạn nứt không thể hàn gắn được. Chị L và anh K đã được gia đình hai bên động viên hàn gắn nhưng không được. Anh, chị cũng đã ly thân từ năm 2022 đến nay và không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị L yêu cầu ly hôn với anh K và được anh K đồng ý ly hôn. Như vậy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn anh Lương V K của chị Nguyễn Thị B L.

[4]. *Về con chung*: Chị L và anh K có một con chung là các cháu Lương G P, sinh ngày 07/7/2021, hiện đang sống cùng chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lương G P và tại biên bản lấy lời khai, anh K cũng có ý kiến đồng ý giao cháu P cho chị L nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu Lương G P cho chị Nguyễn Thị B L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chị L không có yêu cầu xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L và anh K xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị B L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị B L và anh Lương V K có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B L. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B L và anh Lương V K.

2. Về con chung: Giao một con chung giữa chị Nguyễn Thị B L và anh Lương V K là cháu Lương G P, sinh ngày 07/7/2021 cho chị Nguyễn Thị B L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

2.1. Anh Lương V K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Chị Nguyễn Thị B L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lương V K chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị B L không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012068 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị L đã thi hành xong nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị B L và anh Lương V K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Q, H. T, ĐN;
- Các đương sự:
 - + Nguyễn Thị B L;
 - + Lương V K.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu